

BỮA CƠM CUỐI CÙNG

Người đi cùng thuyền với Nam Cao là ông Dương Văn Quý, sau làm Phó Trưởng ban Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Nam Ninh, (đã mất).

Trong bản khai quá trình công tác, ông Dương Văn Quý ghi: Tháng 9 năm 1951 là Trưởng Ban tổ chức, bí thư chi bộ liên chi ủy, Ban Chính trị tỉnh đội Ninh Bình. Được cử đi học ba tháng về chính sách thuế tại Đầm Đa, Xích Thổ. Đồng chí Hoàng Văn Tiến, Khu ủy viên cử tham gia chỉ đạo thuế nông nghiệp ở huyện Nho Quan và tỉnh Nam Định. Do bình tĩnh gan dạ, đã trốn thoát trong trận phục kích cuối năm 1951 tại Miếu Giáp, xã Gia Xuân.

Nhà ông Quý ở thôn Đông Lâu xã Yên Thượng, huyện Gia Viễn (nay xã Trường Yên, huyện Hoa Lư,

tỉnh Ninh Bình). Cha là cụ Dương Văn Quang, sinh năm 1892, tham gia cách mạng từ năm 1929. Từ năm 1929 - 1939, cụ bị địch bắt hai lần. Lần đầu bị giam nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), lần thứ hai - nhà tù Chợ Chu (Thái Nguyên). Theo bản án số 3412, mật thám Pháp, kết tội Dương Văn Quang số tù 276-P can tội hoạt động chính trị, gây rối an ninh. Nhà cách mạng bị tra tấn hy sinh trong tù Chợ Chu ngày 26 tháng 1 năm 1942. Cụ Quang có hai vợ. Mẹ ông Quý là cụ Thương có hai người con trai. Chiến sĩ Dương Văn Phát hy sinh trong trận Đồi Mè tỉnh Hòa Bình. Chồng chết trong tù, con đi bộ đội, nhà nghèo, ba gian nhà đất cất nơi mép nước, với chiếc thuyền nan, mẹ thường ngày riu tếp, kiếm sống, là cơ sở nuôi giấu cán bộ, bộ đội.

Khóa học chính sách thuế gắn kết thúc tại trường Trần Phú thì Nam Cao về. Nhà văn dự lớp học, nói chuyện với anh chị em. Quân khu tổ chức đoàn cán bộ, anh Quý đã đưa Nam Cao về nhà mình, chuẩn bị đi cùng. Chiều đó, Nam Cao ăn bữa cơm cuối cùng ở nhà mẹ Thương trên đất cổ đô Hoa Lư. Như mọi bữa, mẹ vẫn nôi cơm gạo chiêm, có món mắm tếp, anh em ăn rất ngon lành.

Vườn nhà có cây khế cạnh cầu ao quả chín vàng. Nam Cao cứ nắc nỏm khen mẹ khéo làm mắm tếp đỏ như son và hẹn sau chuyến này, nhà văn xin mẹ một chai

làm quà cho vợ. Mẹ Thương còn gói cho ba anh em (cả chú liên lạc) đùm xôi và con gà luộc, mang theo ăn đường. Chính mẹ giồng đò, chở ba anh em đến chỗ hẹn, đợi giao thông dẫn đi.

Ông Quý kể: Trên đò, Nam Cao cứ nhắc mãi món mắm tép đồng chiêm và nói sẽ viết một truyện về cây khế vàng, kỷ niệm chuyến đi này.

Anh Quý ngồi cùng thuyền với Nam Cao. Đi được một thôi dài, thuyền nhỏ chui qua cầu Hối, sang Gia Xuân. Đêm cuối năm se lạnh, Nam Cao húng hắng ho, cái túi dết ôm trong lòng. Đã thấy lờ mờ bóng núi và nóc nhà thờ Miếu Giáp, đã vào gần làng...

Bỗng phía trước xuất hiện mấy bóng thuyền đi tới. Bật lửa ám hiệu, không thấy tín hiệu trả lời, biết gặp chuyện, định quay mũi nhưng không kịp. Bọn Tây quần áo cũn cốn, đội nón ụp xuống, nổ súng bao vây. Dương Văn Quý mới ngoài đôi mươi, con nhà chài lưới, quen sông nước, nhảy xuống lặn qua gầm thuyền, trốn thoát. Anh Quý còn nhìn rõ thằng Tây đâm vào mặt Nam Cao, làm ông ngã sấp xuống đồng nước.

Biết còn người trốn thoát, bọn địch lúng lúng khá lâu mới quay lại nhà thờ. Bốn cán bộ của đoàn bị chúng vây bắt đêm đó, có nhà văn thân yêu của chúng ta.

HAI LẦN...

LÀNG VŨ ĐẠI

Theo sử cũ, Đại Hoàng có ở ba nơi, và lý thú là ba địa danh này đều liên quan đến quê hương và cuộc đời Nam Cao. Đại Hoàng quê ông ai cũng biết. Lại còn xã Đại Hoàng, Tiểu Hoàng huyện Chân Định thuộc phủ Kiến Xương tỉnh Thái Bình cũng là con cháu họ Trần. Tỉnh Ninh Bình, cách đây hơn nghìn năm, Đinh Tiên Hoàng mở nghiệp nhà Đinh trên đất Hoa Lư. Thời Lý Cao Tông (1176 - 1210) đổi châu Đại Hoàng. Thời Trần gọi lộ Trường An, thời Lê thuộc Trấn Sơn Nam. Châu Đại Hoàng thời Lý từ Trường Yên, Gia Viễn đến Nho Quan ngày nay. Tên gọi Đại Hoàng, còn lưu đến đời Minh Mạng. Thời Nguyễn 12 tổng huyện Gia Viễn gồm 84 xã, phường. Tổng Đại Hoàng có bốn xã Diêm Giang, Đại Hoàng, Diêm Xá, Văn Lung. Bây giờ, dân trong vùng còn truyền câu sấm "Đại Hữu sinh vương, Diêm Giang sinh thánh". Đại Hữu (Đại Hoàng) xã Gia

Phương quê hương Đình Bộ Lĩnh, Diêm Giang bản quán Nguyễn Minh Không Quốc sư triều Lý.

Gia Viễn vốn đồng chiêm, chẳng khác mấy cảnh chiêm trũng Lý Nhân quê Nam Cao. Khi lũ nguồn từ Hưng Thi (Hòa Bình) đổ về Hoàng Long nước dim mái nhà, ai cũng phải sấm đồ, coi như cái nhà thứ hai của mình. Giai thoại còn kể, thời Đình, có ông Trần Ứng Long người đầu tiên dùng thuyền thúng vào việc chuyên chở, đánh giặc. Mùa lũ 1984, cô giáo trường cấp 3 Gia Lập cứu học trò, cả hai cô trò bị lũ cuốn khi cách Quốc lộ mấy bước chân. Khi ấy tôi tìm vào Gia Trung thăm bạn nhà văn Nguyễn Thế Kiểm, Huyện ủy Gia Viễn thuê thuyền chở vào, phải ghi vào sổ trả công lái đò bằng thóc.

Năm 1984 còn thế, hồi kháng chiến chống Pháp thực khó khăn gấp trăm lần. Ngày ở Việt Bắc, Nam Cao đã từng soạn sách địa dư, lịch sử cùng viết với nhà sử học Văn Tân, in Nhà xuất bản Cứu Quốc Trung ương. Hẳn nhà văn biết rõ khi về cố đô Hoa Lư là ông đã về đất Đại Hoàng, trùng tên với Đại Hoàng quê hương của mình.

Vợ chồng ông Quân, quê xã Gia Xuân, Gia Viễn giáo viên hưu trí ở Hà Nội, người chứng kiến sự việc kể:

Ngày kháng chiến chống Pháp, các thôn thuộc phạm vi bên Quốc lộ 1A, từ Khuất đến Gián thuộc xã

Gia Trán. Thôn Miếu Giáp phía tây, thôn Vũ Đại phía đông. Gần đó, có bến đò qua sông Đáy sang đất Ý Yên. Cách không xa, Pháp đóng chốt Hoàng Đan, hòng kiểm soát quãng đường thủy, bộ, mà cán bộ kháng chiến từ vùng tự do vào địch hậu thường qua lại bến đò nguy hiểm này. Từ Hoàng Đan, lính càn quét các làng ven sông Đáy. Mấy ngày trước, Tây càn, chốt quân khu vực nhà thờ và phục kích ngoài cánh đồng.

Bắt được bốn người, chúng giam các ông ở nhà bà Ba Thiềm, cạnh nhà thờ. Giặc tra tấn các ông dã man. Anh Quân khi ấy mười lăm tuổi, nấp bên bụi chuối cách cái ao vẫn nghe rõ tiếng quát tháo, đánh đập. Chúng khám, một người trong túi có ống thuốc Ga-ni-đăng tròn nhỏ bằng nhôm.

Tên chỉ huy ra lệnh giáo dân trong làng, đêm đó phải tập trung tại nhà thờ để xem chúng bắn cộng sản. Chúng lấy khăn bịt mắt, nhưng các ông giật ra, thét: "không cần". Nơi các ông ngã xuống là gốc cây bàng. Thi thể bốn chiến sĩ bị chúng ném xuống ao bèo nhà bà Ba Thiềm. Có một ông, bị ném xuống ao chân còn giẫy giẫy...

Ông Lia, một giáo dân tốt đã vớt bốn người đặt lên bờ. Các ông Bùi Văn Duy, Vũ Văn Cư, Phạm Ngọc Đảm, người của ta được phân công cùng cụ Rính, cụ Cải và một số cụ tổ chức chôn cất. Thi thể các anh được

quần bằng chiếu và mây tấm vải mưa.

Ngày cải táng, dân làng cẩn trọng cất thành bốn phần mộ, của bốn người. Có ai đó vẫn còn nguyên cái dải rút bằng dây dù...

Đồng chí Nguyễn Văn Sân, Bí thư huyện ủy Gia Viễn cho biết thêm: Mộ các liệt sĩ chôn cạnh Quốc lộ 1. Năm 1955, xã quy tập về nghĩa trang thôn Vũ Đại, sau lại chuyển về núi Bài Thơ gần thắng cảnh Địch Lộng nổi tiếng. Mộ chí được xây cất chu đáo.

Năm 1965, nghĩa trang huyện xây dựng xong. Huyện Gia Viễn quy tập các liệt sĩ về nghĩa trang thị trấn Me. Khi di chuyển có ghi đặc điểm từng mộ, dán trên tiểu. Thi hài nhà văn Nam Cao được đưa vào khu mộ các liệt sĩ vô danh. ông nằm cùng 814 liệt sĩ nơi đây (1).

Nam Cao ngã xuống, thuộc danh Đại Hoàng. Và nơi ông nằm, chính là đất mang tên Vũ Đại mà trước đó mười năm (1941), nhà văn lấy khai sinh cho Chí Phèo, Thị Nở. Ông đã yên nghỉ tại đây 47 năm - nhiều hơn tuổi đời ông, với các đồng chí đồng đội, trước ngày về quê trong tình thân thương của vợ con, gia đình, bạn bè, làng xóm...

(1) Cùng với nhà văn Nam Cao, phần mộ của đồng chí Nguyễn Văn Thao, sinh năm 1914, quê xã Minh Hưng, huyện Kiến Xương (Thái Bình) và đồng chí Phạm Văn Yêng, sinh năm 1909 - cán bộ trong đoàn cũng được xác định (Tài liệu của Hiệp hội CLB UNESCO - Văn hóa và Gia đình Việt Nam).

NGUYỄN ƯỚC

Vùng đất bãi sông Châu có tục lạ. Đời nhà Trần có ông tướng mãi đánh giặc, khi về nhà đã hạ nêu. Dân làng bảo nhau mổ lợn, gói bánh ăn Tết lại, khao người thắng trận. Tết ấy gọi là Tết cùng.

Chuyện xưa là vậy. Xuân nay, chỉ còn mấy ngày nữa là tiễn ông Công lên trời. Trong mỗi gia đình, người ta trang hoàng nhà cửa đẹp hơn. Đàm sen được bơm cạn nước, những con cá to đánh thả riêng chờ nồi kho cá ăn Tết. Ngoài vườn những buồng chuối ngự đẹp nhất còn treo trên cây đợi mâm ngũ quả. Hoa mận, hoa cúc nở muộn như chờ phút mãn khai...

Điều khác thường so với những ngày áp Tết mọi năm, bởi Tết này làng Đại Hoàng chuẩn bị đón người con thân yêu của mình - nhà văn liệt sĩ Nam Cao, sau 47 năm ông khuất dạng, nhưng tình thương, nỗi nhớ vẫn da

diết trong tâm khảm mỗi người.

Xã Hòa Hậu chọn nơi đất đẹp bên sông Châu dành đặt khu tưởng niệm. Các kiến trúc sư, họa sĩ nổi tiếng trong nước đã ấp ủ dự định nơi đây là điểm du lịch văn hoá trong tương lai. Chỉ còn đợi tin, liệu có tìm thấy nhà văn Nam Cao đang nằm trong khu vô danh nghĩa trang liệt sĩ huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình?

Điều day dứt từ lâu, đâu chỉ riêng lòng dân xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam mà của nhiều thế hệ bạn viết, bạn đọc đã từng yêu và ngưỡng mộ văn tài Nam Cao. Có người từ phương trời xa đã viết thư thúc giục. Bao giờ tượng đài Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến... sẽ được dựng trên các ngã đường thanh bình của đất nước? Bao giờ chúng ta biết chính thức phần mộ nhà văn Nam Cao, để bà vợ ông, mỗi lần giỗ tết thấp nén hương thơm cho hồn thiêng của ông thấu hiểu tấm lòng thơm thảo của bà.

Xúc động biết bao khi biết điều nguyện ước cuối cùng của bà Trần Thị Sen, vợ cố nhà văn liệt sĩ Nam Cao khi cụ bước sang tuổi 82:

“Tôi chỉ có hai điều nguyện ước. Một, hứa trước vong linh ông ấy, sống vậy nuôi các con bằng người, nay đã đạt. Hai, chỉ có thể nhắm mắt xuôi tay khi tìm được hài cốt ông đưa về quê hương...”

Nguyện ước của bà và gia đình nhà văn cũng là ước

nguyện của mỗi chúng ta.

Cuộc đời bà Sen, cũng như bao người mẹ, người vợ liệt sĩ mà ta từng gặp ở các làng quê. Chồng mất khi bà ngoài ba mươi tuổi. Nửa thế kỷ thờ chồng nuôi con, bà chỉ mãi nguyện khi làm xong phần việc cuối đời trả nghĩa cho chồng. Gặp bà Sen, “*Nước thời gian gội tóc trắng phau phau*” (Đoàn Văn Cừ), có ai nhớ hình ảnh cô thôn nữ bên vườn trầu thuở nào. Có ai hay người vợ thầy giáo Tri, vợ ông Chủ tịch xã, vợ ông nhà văn với đàn con đại lần hồi trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đến khi ông mất, người vợ trẻ dắt đưa con trai lên mười, tìm vào quân khu để nhận lại chiếc nhẫn cưới và bộ quần áo nâu bà may mà ông chưa kịp xỏ tay... Mới thế mà gần năm thập kỷ đã trôi qua!

Và lời trăng trối của Nam Cao gửi về Việt Bắc cho bạn bè:

“Nếu giờ còn chứng sống, và chưa bị bắt tôi sẽ dự hội nghị tổng kết. Viết được gì sẽ viết”.

Lời trăng trối cũng là ước nguyện cuối cùng của nhà văn. “Quân giặc đã giết Nam Cao nhưng không thể giết được tác phẩm của Anh và lòng yêu nước, yêu nhân dân của Anh. Anh chết giản dị dũng cảm làm vẻ vang cho truyền thống đấu tranh và phục vụ của những người văn nghệ Việt Nam” (Nguyễn Đình Thi).

Việc xác định đúng hài cốt nhà văn trong chương

trình mang tên “Tìm lại Nam Cao” là một nghĩa cử mang tính nhân văn cao cả. Nổi bật phỏng tưởng kéo dài từ đêm khai ngôi mộ số 306 (mùng 8-1-1998). Những người thân của gia đình đã nhận ra đặc điểm khi mở nắp tiểu. Có ai nói “Vàng trán ấy thật giống cô Hồng như đúc”, rồi tiếng ông Đạt nức lên:

- “Ôi anh ơi, em được thấy anh rồi. Đúng khuôn mặt của anh rồi. Suốt 47 năm nay, em và các cháu đi tìm anh đây!”.

Khi thấy vết đạn ở đầu và đoạn xương gãy, tất cả lặng đi...

Mười ngày thấp thỏm trong hy vọng và lo âu trôi qua. Viện Khoa học hình sự (Bộ Công an) công bố kết quả giám định nhận dạng hài cốt. So sánh tính chất đồng thể, chiều cao, mã di truyền và những thương tổn hài cốt. Đã khẳng định đúng là nhà văn liệt sĩ Nam Cao thân yêu của chúng ta.

Ngày 18 tháng 1 năm 1998 là ngày đẹp trời. Lễ đón di hài nhà văn Nam Cao được cử hành trọng thể tại quê hương. Các ngã đường từ thành phố Phủ Lý qua thị trấn Vĩnh Trụ về xã Hòa Hậu, trên ba chục cây số rất đông người đứng đợi bên đường chờ đoàn xe đi qua. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh và đại diện các ngành đón từ cầu Giẽ, nơi địa đầu tỉnh Hà Nam. Hàng nghìn người các xã trong huyện Lý Nhân, bạn bè từ Hà Nội, Nam Định,

Ninh Bình,... đã tề tựu chứng kiến phút thiêng liêng. Nói sao hết được nỗi xúc động của nhà thơ Tố Hữu, nhà văn Nguyễn Đình Thi, nhà văn Kim Lân - những người gắn bó với Nam Cao từ hồi Việt Bắc. Có cả nghệ sĩ đóng vai giáo Thứ, Chí Phèo... trong phim *Làng Vũ Đại ngày ấy*... Mỗi người lần lượt bỏ nắm đất ấm nơi Nam Cao yên giấc ngàn thu. Nhiều người không giấu được nước mắt...

Nam Cao chưa phải là người trở về cuối cùng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Đồng đội của ông còn nằm lại nghĩa trang Gia Viễn. Bao đồng chí của ông còn nằm lại các chiến trường. Truyền thống uống nước nhớ nguồn, ơn người đã khuất là nét đẹp trong tâm hồn người Việt Nam. Chúng ta xin nguyện ghi ơn những người con đã ngã xuống vì Độc lập - Tự do của Tổ quốc.

Từ mùa xuân này, Nam Cao an giấc ngàn thu nơi quê nhà, trong gió lành sông Châu, tiếng ru của nhạn ra hoa, của hồng sắp đỏ và tiếng thoi ân cần khuya sớm. Bà Trần Thị Sen hẳn yên lòng, và yên lòng mỗi người chúng ta. Làng Đại Hoàng đón cái Tết thật ý nghĩa của niềm sum họp đầm ấm tình làng, nghĩa nước...

LÀNG VŨ ĐẠI

Tiếng ếch kêu nóng ao rau cần
Mưa thấm tóc, gạo sắp bưng sắc lửa
Lúa con gái chồi xuân bật vỏ...

Đây Lý Nhân quê ngoại của con
Đất sông Châu ngọt lành bãi mía
Hương chuối ngự vương trong gió nhẹ
Nhịp thoi reo khung lụa sông Hồng
Trang giấy mở ra thơm vị mật đường
Trên lối cát còn vương hoa cười...

Tất cả say như ngày hội
Cha chưa tin ở chính mắt mình
Tác phẩm Nam Cao cha đọc bao lần
Bài giảng văn mẹ học trường bỏ túi

Con gái đầu lòng mãi mê tìm nhân vật
Mấy đứa em thích tả cảnh, tả người
Cha có niềm tin ở chính cuộc đời
Hạnh phúc lòng ta hừng sáng...

Người trí thức đi theo cách mạng
Biết yêu thương những Thị Nở, Chí Phèo
Biết cảm thông cái khổ, cái nghèo
Biết căm giận những lọc lừa tội ác!

Sớm mai nay trên đồng xanh ngắt
Người nông dân trong tác phẩm Nam Cao
Có bao điều nhà văn khát khao
Và ước mơ ông cha gửi lại
Sẽ xây đẹp bao làng Vũ Đại
(Khác làng ngày xưa. Khác làng hôm nay)
Riu rít mùa chim làm tổ gọi ngày...

1985
Nguyễn Thế Vinh
(Rút trong tập Làng Thức)



Miền quê yên tĩnh
Tranh Acrylic của Lê Minh Sơn

CHUYỆN LÀNG KỂ LẠI

CÁI LÒ GẠCH

Đoàn... non có tiếng, ông...
đồn... muốn có gạch làm...
quê... bên bờ sông...
là cái lò gạch đỏ... Hoàng.

dốt ra, cụ Bào làm... từ đó bỏ...
chống...
thì ở...
och...
ờ...
ại...
B...
t...
n...
Chi...
Theo cụ Trần Huy Tông (sinh ngày 20-4-1917)

con rể ông Nghị Bình và cũng là con rể ông Trần...
Bào ở thành phố Nam Định...
Cụ Trần Huy Tông quê làng (tên làng...)
lý trưởng...
ông Bào...
vẫn là...
Chanh...
gỗ...
quê...
Long...
5533

CÁI LÒ GẠCH CŨ

Bến đò ngang sông Châu, có cây gạo rễ vòng lên làm chỗ nghỉ đợi đò của các bà đi buôn. Từ bến này, đi một đoạn là thấy cái lò gạch cũ mà Nam Cao cho Chí Phèo là đứa con hoang bỏ rơi bên lò gạch.

Theo cụ Trần Huy Tạng (sinh ngày 20-4-1919), là con rể ông Nghị Bính và cũng là con rể ông Trần Đức Bào, ở thành phố Nam Định, kể:

Cụ Trần Đức Bào người làng Đại Hoàng, từng làm lý trưởng, chánh hội nên thường gọi là chánh Bào. Vợ ông Bào và cụ Trần Thị Vân (cụ Lý Minh) bà ngoại nhà vẫn là chị em cùng mẹ khác bố.

Chánh Bào thạo buôn bán. Buôn bè miền ngược đưa gỗ, luồng, nứa, lá cọ về bán dưới xuôi. Cụ Bào có vợ ở quê. Khi có của, chánh Bào mở đồn điền nhỏ ở xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Đồn điền của

ông trông thứ bưởi Đoan Hùng ngon có tiếng, ông lấy vợ bé trông coi đồn điền. Về quê, muốn có gạch làm nhà, cụ Bào thuê người đắp cái lò gạch bên bờ sông Châu. Đó là cái lò gạch đầu tiên của làng Đại Hoàng.

Gạch đốt ra, cụ Bào làm được dinh cơ rồi từ đó bỏ hoang cho thời gian tàn phá. Hồi kháng chiến chống Mỹ, báo Nam Hà, cơ quan ngôn luận của Đảng bộ tỉnh (Nam Định - Hà Nam) sơ tán về xã Nhân Hậu. Tôi theo cơ quan, cùng nhà thơ Trương Thanh Phận sơ tán ở nhờ gia đình trong xóm gần nhà Nam Cao, thường qua lại bên sông còn dấu tích cái lò gạch này.

Lò gạch cũ nay không còn. Người chủ đã mất từ lâu. Nhưng hình bóng của nó vẫn hiển hiện trong lòng người đọc qua tác phẩm bất hủ *Chí Phèo*.

LÃO HẠC LÀ AI ?

Năm 1936, sau ngày cưới một năm, vợ chồng nhà Văn Nam Cao được ông bà thân sinh cho ra ở riêng. Lúc đầu ăn riêng, ở một gian buồng trong nếp nhà xưa của bà ngoại để lại. Rồi vợ chồng nhà văn mua đất làm nhà bên sông Châu.

Liên vườn có nhà cụ trùm San. Cụ San tuy nghèo nhưng tốt bụng, chuyện gì cũng sang hỏi ông giáo Tri. Cụ người nhỏ nhắn, hay uống nước chè xanh và là người lợp nhà lá mía giỏi nhất vùng. Chính cụ đã đánh gianh, lợp nhà cho Nam Cao. Mỗi sáng, bà Sen hãm tích chè tươi, rót một bát đặc sánh mời cụ.

Cụ trùm có hai người con gái và người con trai. Vợ mất sớm, cảnh gà trống nuôi con. Người con gái đầu tên là Duyên nên dân làng gọi cụ là trùm Duyên. Con út là

Trần Văn Thụ. Anh Thụ có người vợ bị điên bỏ nhà đã lâu. Thụ muốn lấy vợ, cụ Trùm bảo, phải chờ người vợ trở về, khi nào chết mới cho lấy vợ mới. Anh Thụ buồn. Có đợt mộ phu, liền bỏ nhà đi. Được một dạo, vẫn chưa thấy vợ, lại đi tiếp. Từ đó không thấy về quê nữa. Cụ có con chó vàng, đi đâu nó cũng theo, coi như người bạn.

Gần nhà ông trùm Duyên, có nhà ông trùm Luông. Chán đời, ông Luông đã xin mỗi thuốc bả của binh Cận. Thế rồi chính nhà văn, cụ trùm San đau xót chứng kiến cái chết của người hàng xóm. Từ cuộc đời thực của hai giáo dân nghèo, Nam Cao đã viết truyện ngắn *Lão Hạc*.

Cụ trùm Duyên, có phải vì mong ngóng người con trai đi phu đồn điền mà sống tới trên trăm tuổi mới mất. Sau ngày đất nước thống nhất, theo lời dặn của cha, anh Trần Văn Thanh, con ông Thụ từ đất cao su Sông Bé, đưa con rể và cháu về sửa sang phần mộ cho ông nội. Bảy giờ người cháu của Lão Hạc ấy là công nhân vận hành máy đội 9 Công ty Cao su Lộc Ninh, Sông Bé.

CON TRAI CHÍ PHEÒ

Mỗi lần về quê Nam Cao, tôi lại được nghe biết bao câu chuyện quanh những nhân vật máu thịt mà nhà văn sáng tạo từ hơn nửa thế kỷ trước. Những mẫu người ấy - người đã khuất, người còn sống vẫn hiển hiện trong từng trang sách, nhưng trong cuộc đời thực đã biết bao đổi thay.

Thứ vị nhất là tôi được gặp những người sống cùng thời với nhân vật Chí Phèo. Cụ Trần Thị Xạ, 84 tuổi là mẹ của đồng chí Hiệu trưởng trường THCS Nhân Hòa, đã kể cho nghe về thời gian đi ở cho vợ hai Cửu Hòe, con ông Nghị Bính. Cụ Xạ còn giữ cái chum và chiếc vò đá, là tài sản được chia khi bà Nghị mất, cụ đã nhiều lần gặp ông Chí. Bất ngờ nhất ông Trần Hữu Đạt, em trai nhà văn và các già làng kể cho biết nhân vật thật Chí Phèo.

Lần theo sự chỉ dẫn, tôi đã tìm gặp cụ Trần Khang

Hộ, 85 tuổi, là bạn học thuở nhỏ của Nam Cao, con thầy Lân. Cụ Hộ kể: Khi tôi ngoài 20 tuổi, ở làng có một người tên là Chí, quê quán ở đâu không rõ. Vì Chí hơn tuổi nên cánh trẻ thường gọi là chú. Chí cao, to béo, hay đi giúp nhà này nhà khác khi có công việc. Các nhà có máu mặt thường thuê Chí đòi nợ. Xong việc họ cho vài xu đi mua rượu, uống say về nằm phèo giữa đống, từ đó người làng gọi là Chí Phèo.

Chí mà xin ai, không chịu về tay không, cho nên chẳng ai chơi bời, gần gũi với Chí. Chí say, bọn trẻ trêu thì dọa chứ không đánh. Đối với phụ nữ, Chí hay níu gánh chòng ghẹo. Ngày ngủ, đêm lang thang bờ sông. Cụ Nhàn nhà nghèo, đêm đánh dậm cua ở sông Châu, còn cụ Hộ coi vườn gần đó, đã cho Chí quả sung, quả ớt nhắm rượu. Đã nhiều lần cụ bắt gặp Chí níu kéo, đùa cợt người đàn bà buôn trứng khi đương vội chợ sớm.

Chí sống độc thân, không vợ, không con. Khi Pháp mộ phu, Chí bỏ làng đi biệt tích từ đó. Trong tác phẩm *Chí Phèo*, nhà văn Nam Cao đã lấy một phần khuôn mẫu của Chí, để xây dựng nhân vật của mình. Theo lời kể của cụ Nhàn, cụ Hộ và những người sống cùng thời, Chí ngoài đời cũng có một người con trai với người đàn bà bán trứng đó (không phải Thị Nở).

Tôi đã đến thăm nhà người được các cụ cao tuổi trong làng cho biết, đó là "hậu duệ" của Chí Phèo. Cạnh lò gạch bên đò chở khách qua sông dựng lều của Chí. Bà

đi buôn trứng kê trên, từ chợ Chanh về Nam Định, nhiều sớm tinh mơ ghé chân tại lều của Chí. Thế rồi một đêm trăng, người đánh dậm bắt gặp hai người tình tự ngoài bãi chuối bờ sông. Dân làng xì xầm. Người đàn bà sau khi sinh con, xấu hổ bỏ làng đi biệt tăm và Chí cũng biến khỏi làng Đại Hoàng (nghe nói Chí đi lính mộ một thời gian dài).

Cuộc sống của người con Chí Phèo đã đổi khác. Bà vợ ông và hai cô con gái, tháng ngày dệt vải. Ba gian nhà gỗ xoan xinh xắn nhìn ra vườn chuối ngự quả chín rộ. Nghe dân làng nói, lúc còn trẻ tính nết ông cũng khá đặc biệt. Lấy vợ rất muộn, lam lũ làm đủ nghề, đi buôn thì luôn bị thua lỗ. Cũng có người kể, tính ông này thuận phác hơn Chí Phèo.

Trước khi hoàn thành cuốn sách này, tôi lại về quê Nam Cao thì ông đã mất, thọ 65 tuổi. Bức ảnh giới thiệu trong cuốn sách này tôi kịp chụp khi cùng đoàn làm phim *Làng Vũ Đại ngày nay* của Đài THVN vào mùa lũ 1996. Tư liệu về nhà văn Nam Cao lưu trữ tại địa phương, có bức ảnh chú thích gây tò mò "Con cụ Chí". Báo *Nhân Dân* hàng tháng số Tết (1998) in tư liệu, đăng quảng cáo "Đã tìm thấy con trai Chí Phèo!".

THỊ NỞ

Theo gia phả họ ngoại, ông Trần Bá Dụng (quản Dụng) là anh trai ông Trần Bá Hòa (ông ngoại nhà văn). Ông Quán có ba con trai là Trần Bá Đào, Trần Bá Lối và Trần Bá Lễ. Trong ba anh em chỉ có ông Lễ là nhanh nhẹn, đi Sài Gòn mở hiệu may Ba Lễ trở nên giàu có. Còn Trần Bá Đào, người dờ tính, ở quê chỉ chuyên đi làm vườn thuê cho chú thím là ông Hòa, bà Vân.

Làng có cô Thị Nở là con ông phó Kinh, gọi vậy vì ông chuyên đóng cối xay. Được mụn con gái, xấu người, tính dờ hơi, hay cười nên ông đặt tên là Trần Thị Nở.

Tài sản của thị chỉ có cái chép cùn(1), và biết làm mỗi việc nhặt cỏ vườn. Tính vốn dờ hơi, vô tâm, động bất cứ việc gì được một lúc là bất kể chỗ nào cũng lăn ra ngủ, khi chân đông rạ, khi gốc chuối. Có lần, bà Vân sai

thị đi kín nước về ngâm sợi, chờ mãi, sớt ruột cho người đi tìm, thị đã đánh được một giắc dưới gốc chuối. Ai cũng cười cái tật của Thị. Hàng xóm còn kể về “tài nấu ăn” Bữa nào bố chồng (ông Quán Dụng) cũng chửi con dâu về tội cơm sống, cơm khê. Thị vênh mặt cãi: Sống đâu mà sống, chỉ hơi sượng sượng!

Người làng không ai muốn mượn thị. Bà ngoại nhà văn thương tình, có việc gọi làm. Ông phó Kinh khi nhắc quang gánh, một bên cái chày, một bên bó dăm côi lên vai là biệt hàng tháng mới về, nên Thị Nở hầu như ở hẳn nhà bà Vân.

Cùng cảnh làm thuê, anh Đào gặp Thị Nở. Lúc đầu các bà đùa gán ghép, sau thành thật. Họ về ở với nhau, mái nhà xiêu vẹo do ông phó Kinh để lại. Nghèo rớt mùng tơi, ông Đào vẫn phải mua chức trùm, đi làm trả nợ, thế mà Thị Nở lấy làm vênh vang lắm.

Vợ chồng Thị Nở có được người con trai là Trần Bá Xuyên. Năm 15 tuổi, Xuyên theo người làng đi tìm chú là ông Ba Lễ (hiệu may Ba Lễ) rồi chết trẻ tại Sài Gòn.

Lấy anh Đào rồi, Thị Nở vẫn làm thuê cho bà ngoại nhà văn. Nam Cao phải gọi Thị Nở là dì, nghiêm nhiên Thị Nở gọi nhà văn là cháu.

Khi câu chuyện Chí Phèo, Thị Nở lên phim đưa về chiếu ở làng. Xem diễn viên đóng vai Thị Nở, các cụ cao

tuổi kháo nhau: Đóng chưa đạt, Thị Nở ngoài đời còn khó coi hơn cô Thị Nở mà Nam Cao tả nhiều.

Thị Nở là thế. Còn bà cô của Thị, trong truyện Chí Phèo, Nam Cao đã lấy nguyên mẫu bà mẹ chồng chuyên buôn trâu không, hàng chuyên. Đó là chân dung bà quản Dụng có tiếng là người đàn bà cay nghiệt.

0 Dụng cụ làm cỏ vườn - có nơi gọi là cái giằm.

DÌ THẢO

Bà ngoại nhà văn có ba người con nuôi là chị Vui, dì Tuất và dì Thảo. Trong số các dì, Nam Cao thương quý nhất là dì Thảo. Khi viết truyện, ông đổi tên là *Dì Hào*.

Trong lịch sử Văn học, hiếm có nhà văn nào từ chuyện đời của nguyên mẫu như Nam Cao viết được năm truyện ngắn: *Dì Hào*, *Lão Hạc*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Từ ngày mẹ chết* và *Một đám cưới*...

Dì Thảo là con bà Xã Vĩnh, chuyên bán bánh đúc ngoài chợ Bến. Bánh của bà ngon có tiếng cả vùng. Nhưng mẹ bánh đúc dù ngon đến mấy cũng không thể nuôi cả nhà. Chồng chết, bà xã vay công mướn nợ làm ma cho chồng, phải bán dì Thảo cho bà Vân làm con

nuôi. Bà ngoại Nam Cao coi như con đẻ. Dì học dệt vải, hái trà việc gì cũng khéo tay. Tính lại rất hiền.

Ngày bé, Nam Cao bị bệnh yếu chân, bà Minh mãi chạy chợ nên nhà văn được dì chăm sóc từ nhỏ. Dì dạy cháu tập nói, tập hát. Bé thì công cháu đi chơi. Khi Nam Cao đi học trường thầy Lân, dì đưa dắt cháu. Cháu học, dì học theo, dì biết đọc, biết chữ nhờ cháu.

Lớn lên, dì Thảo được bà Vân gả chồng. Chồng dì là anh quản Phụng con ông trùm Luông. Do mắc cờ bạc, bị vợ đay nghiến, bố chồng dì xin bả, uống rượu say rồi tự tử. Cuộc đời dì Thảo thật khổ? Chồng nghiện ngập rồi nhãng nhít với cô bán bánh đúc ngô trên chợ Phù Nhị. Chế quản Phụng, cụ Trấn làm về cho trẻ con hát:

Từ nay tôi bảo các cô

Tôi chừa bánh đúc, bánh ngô chợ này...

Mùa đông năm 1942, dì Thảo đi cấy thuê về bị cảm lạnh. Đói, dì xin củ ráy về luộc, xin mỡ về ăn bị đi tả, ốm nặng. Nam Cao sang thăm, dì vẫn ngồi khâu máy cái áo rách.

Dì Thảo ốm nặng. Biết không qua khỏi, mọi người chăm nom. Bà Sen mời dì ăn bánh cuốn, dì chỉ xin miếng trà. Rồi dì cười, cái miệng đỏ tươi, vành môi cắn chỉ. Dì Thảo vĩnh biệt mọi người ra đi thanh thản như thế.

Dì có đứa con gái tên là Kính. Cuộc đời Kính cũng chẳng khác đời mẹ. Ngày Kính lấy chồng, được nhà văn thuật lại trong truyện *Một đám cưới nghèo*, ai đọc cũng rung rung nước mắt⁽¹⁾.

(1) Tham khảo tư liệu của nhà nghiên cứu

Trần Quang Vinh và Thang Ngọc Pho.

MỠ LÀNG

Chưa có làng nào, tập trung nhiều người làm nghề mỗ như ở làng Hoàng. Mỗ cha truyền con nối. Việc của mỗ là đi rao khi có lệnh của lý trưởng và hầu hạ đám lý dịch trong làng. Mỗ được quyền xin lộc chợ gọi là trả công quét chợ. Được làng cấp ruộng, thế mà, đến mùa thu hoạch mỗ vẫn cho con ra ruộng xin khéo mỗi nhà vài lượm lúa... Chiều tất niên, mỗ sai con đi một vòng, nhà cho khúc cá, gói xôi, miếng thịt là đủ Tết. Nhà nào có việc, mỗ đến gọi là giúp, được sắp một cỗ riêng. Ăn xong, cho các thứ còn lại vào tay nải. Mặt đỏ gay vì rượu, vì trầu, khoáng gậy ra về.

Trong vòng nửa thế kỷ (1900 - 1945) nối nhau các đời: mỗ Nhắng, mỗ Nhung, mỗ Tý Tèo, mỗ Vân, mỗ Quyên. Cách mạng thành công, họ hàng nhà mỗ kéo nhau đi hết.

Nghe nói quê mỗ vùng biển xa - Tý Tèo kể: Đất làng

hắn hình cá chép. Ai ở đầu cá được làm quan. Ai ở đuôi cá thì làm mỗ! Xóm nhà mỗ ở góc đa cuối chợ. Tý Tèo có tiếng làm cỗ giỏi. Có lần hắn ra đình phục dịch các cụ đánh tổ tôm. Chặt thịt gà, Lý trưởng cho người giám sát, Tý Tèo cứ chọn miếng ngon, vung dao chặt thật mạnh cho bay ra khỏi thớt gỗ nhãn. Miệng nói: xin phép các cụ, tay nhón cho vào miệng. Trương tuần quát tháo, Tý Tèo cầm dao chỉ lên giò, thề:

- Đ. mẹ thằng nào ăn trên thớt!

Thề đấy, chửi đấy các cụ nghe cũng đành phải chịu. Đòi mỗ Nhặng chuyên hầu các chiếu tổ tôm. Mỗ Vân có gánh phở rong, ngon có tiếng, chuyên bán cho các đám xóc đĩa. Mỗ Quyên làm đến năm 1945, chủ tịch UBKC xã bảo đi rao, hắn nói ngọng:

- Ông bảo gì con cũng phải theo. Đi đêm con *thông thợ* (không sợ) ma, con chỉ *thợ* (sợ) thằng Việt gian!

Nghe nói sau này Quyên theo cách mạng, làm Phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Xuân Trường.

Mỗ Nhung có cô con gái tên là Sâm. Cô Sâm đẹp nhất làng, lại khéo tay đan lát thêu thùa, nhưng mang tiếng con nhà mỗ, nên không ai dám lấy.

Năm 1943, Nam Cao viết truyện ngắn *Tư cách mỗ*, khắc họa một kiểu người bần cùng, cũng bị tha hóa trong xã hội phong kiến của Đại Hoàng.

NGHỊ BÌNH

Tên thật là Trần Duy Bình, xuất thân từ gia đình nghèo, cha là cụ Trần Duy Thực. Ông Nghị sinh vào khoảng năm 1863, người cao to, tiếng nói sang sảng.

Do khôn ngoan và lọc lõi nên ông Nghị giàu lên nhanh. Từ lúc mua chức phó lý sau lên lý trưởng, rồi làm chánh tổng Cao Đà, từng là chánh huyện hào (đứng hàng trên mười chánh tổng trong huyện), từng làm nghị viên Bắc Kỳ, được triệu về kinh đô Huế dự lễ tế Nam Giao. Nghị Bình đi đâu cưỡi ngựa nâu, có ông Liên cấp tráp theo hầu. Khi chủ đã ngồi vào tràng kỷ, anh hầu phải đi cắt lá tre cho ngựa ăn.

Khoe quyền thế, Nghị Bình nhờ ông Hùng Sơn ở Nam Định viết đôi câu đối treo trong nhà:

Thập lý vân lô thiên bất hạn
Cửu trùng vũ lộ địa do dư

Nghĩa:

*Mười dặm sấm mây trời không hạn
Chín trùng mưa móc đất còn dư*

Nghị Bính sống khoẻ mạnh đến ngày cách mạng thành công. Theo lời kể của ông Hoàng Cao, sáng sáng Nghị Bính vận bộ quần áo lụa màu mỡ gà, chân đi đôi giày Gia Định bóng loáng, đầu đội nón đúng đỉnh ra hàng bà Bút, người đàn bà đã luống tuổi nhưng còn xuân sắc, mở quán ngay trên đường làng. Có ba người thì đánh tài bàn, đủ năm chân thì đánh tổ tôm. Gặp Nam Cao và mấy cán bộ trong chính quyền mới, bao giờ Nghị Bính cũng cất tiếng chào trước.

Chính quyền về tay nhân dân, bộ máy phong kiến cũ sụp đổ, Nghị Bính cũng đi tản cư. Năm 1948, ốm nặng được con cháu đưa từ Nhân Giả xã Nhân Khang về quê rồi chết ngày 8-11-1948.

Để bạn đọc hình dung gia thất của gia đình ông Nghị, xin (trích in) vài tư liệu do cụ Trần Huy Tạng, con rể ông Nghị, cán bộ lão thành cách mạng, sống ở thành phố Nam Định và nghe dân làng kể.

I.

Nghị Bính có năm vợ và mười hai người con, ba trai, chín gái.

Bà cả hiền lành chất phác là mẹ của ông Trần Duy Tảo, người làng gọi là binh Tảo, làm thủ quỹ cho lý trưởng.

Bà hai Trần Thị Khuyên (mất ngày 2-11-1948), lấy ông Nghị khi bà cả ốm. Bà sinh được bốn người con là Trần Thị Quế, Trần Duy Hòe, Trần Thị Trinh và Trần Thị Nhài.

Bà ba Trần Thị Yêm, sinh được ba con gái Trần Thị Dung, Trần Thị Yên, Trần Thị Xuyên.

Dân làng kể: Bà ba nắm quyền thế trong nhà. Của cải mà ông Nghị có được đều do bà Ba thu vén. Bà mê hầu bóng, mỗi lần lên đồng bao con công đệ tử theo hầu.